

Số: /2025/NQ-HĐND

Nam Định, ngày tháng năm 2025

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định mức chi khen thưởng, chế độ đãi ngộ bằng tiền đối với huấn luyện viên, vận động viên đạt thành tích tại các giải thi đấu quốc gia, quốc tế; mức thưởng bằng tiền đối với các tập thể, cá nhân đạt thành tích tại các giải thể thao tổ chức trên địa bàn tỉnh Nam Định**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH  
KHOÁ ....., KỲ HỌP THỨ .....**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Thể dục, thể thao ngày 29 tháng 11 năm 2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao ngày 14 tháng 6 năm 2018;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP, ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 152/2018/NĐ-CP, ngày 07 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ Quy định một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu;*

*Căn cứ Nghị định số 36/2019/NĐ-CP, ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao;*

*Căn cứ Thông tư 86/2020/TT-BTC, ngày 26/10/2020 của Bộ Tài chính Quy định chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với HLV thể thao thành tích cao, VĐV thể thao thành tích cao;*

*Căn cứ Thông tư số 18/2019/TT-BLĐTBXH, ngày 08/11/2019 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về hướng dẫn thực hiện về tiền lương, tiền hỗ trợ tập huấn, thi đấu, tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, chế độ khi ốm đau, thai sản, bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu;*

*Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định về việc Quy định mức chi khen thưởng, chế độ đãi ngộ bằng tiền đối với huấn luyện viên, vận động viên đạt thành tích tại các giải thi đấu quốc gia, quốc tế; mức thưởng bằng tiền đối với các tập thể, cá nhân đạt thành tích xuất sắc tại các giải thể thao áp dụng tại tỉnh Nam Định; Báo cáo thẩm tra số .../BC-HĐND ngày ... tháng ... năm 2025 của Ban Văn hóa - xã hội Hội*

*đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

### **QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định mức chi khen thưởng, chế độ đãi ngộ bằng tiền đối với huấn luyện viên, vận động viên đạt thành tích tại các giải thi đấu quốc gia, quốc tế; mức thưởng bằng tiền đối với các tập thể, cá nhân đạt thành tích tại các giải thể thao tổ chức trên địa bàn tỉnh Nam Định.

**Điều 2.** Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

**Điều 3.** Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định Khóa XIX, Kỳ họp thứ ..... thông qua ngày .... tháng .... năm 20.. và có hiệu lực từ ngày .... tháng .... năm 20..../.

#### **Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Vụ pháp chế);
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Như Điều 2, Điều 3;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thành phố Nam Định;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Công TTĐT Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Công báo tỉnh, Báo Nam Định;
- Lưu: VT, ....

#### **CHỦ TỊCH**

**Lê Quốc Chính**

## QUY ĐỊNH

**Quy định mức chi khen thưởng, chế độ đãi ngộ bằng tiền đối với huấn luyện viên, vận động viên đạt thành tích tại các giải thi đấu quốc gia, quốc tế; mức thưởng bằng tiền đối với các tập thể, cá nhân đạt thành tích tại các giải thể thao tổ chức trên địa bàn tỉnh Nam Định**

*(Kèm theo Nghị quyết số /2025/NQ-HĐND ngày tháng năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định)*

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Quy định mức thưởng và chế độ hỗ trợ đãi ngộ bằng tiền đối với vận động viên, huấn luyện viên thể thao đạt thành tích tại các giải thi đấu quốc gia, quốc tế áp dụng tại tỉnh Nam Định.

2. Quy định mức thưởng bằng tiền đối với các tập thể, cá nhân đạt thành tích xuất sắc (huy chương) tại các giải thể thao tổ chức trên địa bàn tỉnh Nam Định.

### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Huấn luyện viên, vận động viên thuộc các đội tuyển thể thao tỉnh Nam Định trực tiếp tham dự hoặc tham gia các đội tuyển thể thao quốc gia thi đấu tại các giải thi đấu thể thao quốc gia, quốc tế do các cơ quan có thẩm quyền tỉnh Nam Định quyết định triệu tập hoặc cử đi gồm:

a) Huấn luyện viên, vận động viên các đội tuyển thể thao tỉnh Nam Định được triệu tập vào các đội tuyển thể thao quốc gia;

b) Huấn luyện viên, vận động viên đội tuyển, đội tuyển trẻ, đội tuyển năng khiếu tỉnh Nam Định đang hưởng lương từ ngân sách nhà nước;

c) Huấn luyện viên đội tuyển, đội tuyển trẻ, đội tuyển năng khiếu tỉnh Nam Định không hưởng lương từ ngân sách nhà nước;

d) Vận động viên đội tuyển tỉnh Nam Định không hưởng lương từ ngân sách nhà nước;

e) Vận động viên đội tuyển trẻ, đội tuyển năng khiếu tỉnh Nam Định không hưởng lương từ ngân sách nhà nước.

2. Giải thi đấu cấp tỉnh, khu vực:

a) Đại hội Thể dục thể thao;

b) Hội khỏe phù đồng, Đại hội Điền kinh học sinh và các giải thi đấu thể thao cấp tỉnh của ngành Giáo dục và Đào tạo;

c) Giải thi đấu thể thao từng môn thuộc hệ thống thi đấu cấp tỉnh, khu vực; giải thi đấu thể thao dành cho người khuyết tật;

d) Giải thi đấu thể thao quần chúng cấp tỉnh; hội thao; giải thi đấu thể thao các câu lạc bộ cấp tỉnh; giải thi đấu thể thao trong lực lượng vũ trang cấp tỉnh..., các giải thể thao khu vực tỉnh Nam Định đăng cai, phối hợp tổ chức;

e) Các giải thi đấu thể thao cấp tỉnh khác tổ chức trên địa bàn tỉnh Nam Định.

3. Giải thi đấu cấp huyện, ngành (gọi tắt là cấp huyện):

a) Đại hội Thể dục thể thao;

b) Hội khỏe phù đồng, Đại hội Điền kinh học sinh và các giải thi đấu thể thao cấp huyện của ngành Giáo dục và Đào tạo;

c) Giải thi đấu thể thao từng môn thuộc hệ thống thi đấu cấp huyện; Giải thi đấu thể thao dành cho người khuyết tật;

d) Giải thi đấu thể thao quần chúng cấp huyện; hội thao; giải thi đấu thể thao các câu lạc bộ; giải thi đấu thể thao trong lực lượng vũ trang cấp huyện; các giải thể thao cấp tỉnh do cấp huyện đăng cai, phối hợp tổ chức;

e) Các giải thi đấu thể thao cấp huyện khác tổ chức trên địa bàn.

4. Các giải thi đấu, hội thao, hội thi thể thao xã, phường, thị trấn (gọi tắt là cấp xã):

a) Đại hội Thể dục thể thao;

b) Giải thi đấu thể thao quần chúng cấp xã;

c) Các giải thi đấu thể thao tổ chức trong các cơ sở đào tạo, trường học.

d) Các giải thi đấu thể thao cấp xã khác tổ chức trên địa bàn.

5. Các giải, hội thi thể thao tỉnh Nam Định đăng cai, phối hợp với các đơn vị ngoài tỉnh tổ chức trên địa bàn tỉnh.

### **Điều 3. Mức thưởng bằng tiền đối với huấn luyện viên, vận động viên lập thành tích tại các giải thi đấu thể thao quốc gia, quốc tế**

1. Mức thưởng bằng tiền cho vận động viên lập thành tích tại giải thi đấu thể thao quốc gia (*Trừ môn Bóng đá*):

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

<b>TT</b>	<b>Tên cuộc thi</b>	<b>HCV</b>	<b>HCB</b>	<b>HCD</b>	<b>Phá kỷ lục</b>
1	Đại hội thể thao toàn quốc	30	15	10	+ 10
2	Giải vô địch quốc gia	10	6	4	+ 4
3	Giải Cúp, Vô địch trẻ quốc gia	6	4	3	+ 2
4	Giải Vô địch trẻ quốc gia có quy định lứa tuổi	4	3	2	+ 1
5	Vận động viên đạt kiện tướng	10			

2. Mức thưởng bằng tiền cho vận động viên lập thành tích tại giải thể thao quốc tế (*Trừ môn Bóng đá*).

a) Huấn luyện viên, vận động viên lập thành tích tại các giải thể thao quốc tế, ngoài chế độ thưởng theo quy định tại Mục a), khoản 1, Điều 9 Nghị định 152/2018/NĐ-CP ngày 07/11/2018 của Chính phủ, được thưởng theo quy định của tỉnh, cụ thể:

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

<b>TT</b>	<b>Tên cuộc thi</b>	<b>HCV</b>	<b>HCB</b>	<b>HCD</b>	<b>Phá kỷ lục</b>
<b>I</b>	<b>Đại hội thể thao</b>				
1	Đại hội Olympic	350	220	140	+ 140
2	Đại hội Olympic trẻ	80	50	30	+ 30
3	Đại hội thể thao Châu Á	140	85	55	+ 55
4	Đại hội thể thao Đông Nam Á	45	25	20	+ 20
<b>II</b>	<b>Giải vô địch thế giới từng môn</b>				
1	Nhóm I	175	110	70	+ 70
2	Nhóm II	70	40	30	+ 30
3	Nhóm III	45	25	20	+ 20
<b>III</b>	<b>Giải vô địch Châu Á từng môn</b>				
1	Nhóm I	70	40	30	+ 30
2	Nhóm II	45	25	20	+ 20

3	Nhóm III	30	15	10	+ 10
<b>IV</b>	<b>Giải vô địch Đông Nam Á từng môn</b>				
1	Nhóm I	40	20	15	+ 15
2	Nhóm II	30	15	10	+ 10
3	Nhóm III	20	12	8	+ 8
<b>V</b>	<b>Đại hội Thể thao khác</b>				
1	Đại hội Thể thao quy mô thế giới khác	70	40	30	+30
2	Đại hội Thể thao quy mô Châu Á khác	30	15	10	+ 10

b) Vận động viên lập thành tích tại các giải cúp thể giới, cúp châu Á và cúp Đông Nam Á; giải thi đấu thể thao vô địch trẻ thể giới; các đại hội, giải thi đấu thể thao vô địch trẻ châu Á, Đông Nam Á được hưởng mức thưởng bằng 50% mức thưởng dành cho đại hội, giải vô địch của môn thể thao tương ứng quy định tại Mục a) khoản 2 Điều này.

c) Vận động viên lập thành tích tại các giải thi đấu thể thao vô địch trẻ thể giới, châu Á, Đông Nam Á có quy định lứa tuổi được hưởng mức thưởng tối đa bằng 50% mức thưởng quy định tại Mục a) khoản 2 Điều này, cụ thể như sau:

Giải thi đấu thể thao dành cho vận động viên đến dưới 12 tuổi: mức thưởng bằng 20% mức thưởng tương ứng quy định tại Mục a) khoản 2 Điều này;

Giải thi đấu thể thao dành cho vận động viên từ 12 tuổi đến dưới 16 tuổi: mức thưởng bằng 30% mức thưởng tương ứng quy định tại Mục a) khoản 2 Điều này;

Giải thi đấu thể thao dành cho vận động viên từ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi: mức thưởng bằng 40% mức thưởng tương ứng quy định tại Mục a) khoản 2 Điều này;

Giải thi đấu thể thao dành cho vận động viên từ 18 tuổi đến dưới 21 tuổi: mức thưởng bằng 50% mức thưởng tương ứng quy định tại Mục a) khoản 2 Điều này.

d) Vận động viên lập thành tích thi đấu trong các môn thể thao có nội dung thi đấu tập thể được hưởng mức thưởng bằng số lượng người được thưởng theo quy định của điều lệ giải nhân với mức thưởng tương ứng quy định tại các khoản a), b) và c) Điều này.

### 3. Mức thưởng bằng tiền cho huấn luyện viên.

Huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên lập thành tích tại các đại hội, giải thi đấu thể thao quốc gia và quốc tế được hưởng mức thưởng như sau:

a) Huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên lập thành tích trong các giải thi đấu thể thao có nội dung thi đấu cá nhân thì được hưởng mức thưởng chung bằng mức thưởng đối với vận động viên;

b) Huấn luyện viên trực tiếp đào tạo đội tuyển thi đấu lập thành tích trong các giải thi đấu thể thao có môn hoặc nội dung thi đấu tập thể thì được hưởng mức thưởng chung bằng mức thưởng đối với vận động viên đạt giải nhân với số lượng huấn luyện viên, theo quy định như sau: dưới 04 vận động viên tham gia thi đấu, mức thưởng chung tính cho 01 huấn luyện viên; từ 04 đến 08 vận động viên tham gia thi đấu, mức thưởng chung tính cho 02 huấn luyện viên; từ 09 đến

12 vận động viên tham gia thi đấu, mức thưởng chung tính cho 03 huấn luyện viên; từ 13 đến 15 vận động viên tham gia thi đấu, mức thưởng chung tính cho 04 huấn luyện viên; trên 15 vận động viên tham gia thi đấu, mức thưởng chung tính cho 05 huấn luyện viên;

c) Tỷ lệ phân chia tiền thưởng đối với các huấn luyện viên được thực hiện theo nguyên tắc: Huấn luyện viên trực tiếp huấn luyện đội tuyển được hưởng 60%, huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên ở cơ sở trước khi tham gia đội tuyển được hưởng 40%. Đối với các môn, nội dung thi đấu mà thành tích thi đấu được sử dụng để xác định huy chương của các nội dung cá nhân và đồng đội được tính trong cùng một lần thi, thì từ huy chương thứ hai trở lên, mức thưởng chung cho huấn luyện viên, vận động viên bằng số lượng người được thưởng nhân với 50% mức thưởng tương ứng quy định tại các Mục a), b), c) và d) khoản 2 của Điều này.

d) Huấn luyện viên, vận động viên lập thành tích tại các đại hội, giải thi đấu thể thao dành cho người khuyết tật được hưởng mức thưởng bằng 60% theo quy định tại Điều 3 của Nghị quyết này.

e) Huấn luyện viên, vận động viên lập thành tích tại các đại hội, giải thi đấu thể thao dành cho học sinh, sinh viên thế giới, châu Á, Đông Nam Á được hưởng mức thưởng bằng 30% mức thưởng quy định tại các khoản 1, 2 và 3 của Điều này.

#### 4. Mức thưởng riêng cho môn Bóng đá (Áp dụng cho tập thể đội bóng):

STT	Nội dung	Mức thưởng (Triệu đồng)		
		Huy chương Vàng (Vô địch)	Huy chương Bạc (hoặc tương đương)	Huy chương Đồng (hoặc tương đương)
1	Giải Châu lục	500	400	300
2	Giải Vô địch Quốc gia	300	250	200
3	Giải Cúp Quốc gia	250	200	150
4	Giải hạng Nhất Quốc gia	200	150	100
5	Giải hạng Nhì Quốc gia	150	100	80
6	Giải hạng Ba Quốc gia	100	80	60
7	Giải trẻ Quốc gia	80	60	40

#### Điều 4. Chế độ đãi ngộ đối với huấn luyện viên, vận động viên

1. Đối với vận động viên đạt thành tích xuất sắc được hỗ trợ thêm theo ngày thực tế luyện tập, cụ thể:

*Đơn vị tính: Đồng/người/ngày*

TT	Hệ thống thi đấu	Thành tích (Huy chương)	Chế độ/ngày	Thời gian được hưởng
1	Đại hội Olympic (Thế vận hội)	Vàng	900.000	48 tháng
		Bạc	850.000	
		Đồng	700.000	

2	Đại hội Olympic trẻ (Thế vận hội trẻ)	Vàng	650.000	12 tháng
		Bạc	600.000	
		Đồng	550.000	
3	Đại hội thể thao Châu Á (ASIAD)	Vàng	500.000	
		Bạc	450.000	
		Đồng	400.000	
4	Vô địch thế giới	Vàng	500.000	
		Bạc	450.000	
		Đồng	400.000	
5	Vô địch trẻ thế giới	Vàng	300.000	
		Bạc	250.000	
		Đồng	200.000	
6	Vô địch Châu Á	Vàng	300.000	12 tháng
		Bạc	250.000	
		Đồng	200.000	
7	Đại hội thể thao Đông Nam Á (SEA Games)	Vàng	200.000	24 tháng
		Bạc	150.000	
		Đồng	100.000	
	Vô địch Đông Nam Á	Vàng	200.000	12 tháng
9	Đại hội Thể thao toàn quốc	Vàng	150.000	24 tháng
10	Vô địch quốc gia	Vàng	150.000	12 tháng

2. Huấn luyện viên được hưởng mức hỗ trợ bằng 50% mức hỗ trợ của vận động viên quy định tại khoản 1 của Điều này.

3. Nguyên tắc hỗ trợ:

Mỗi vận động viên đạt thành tích chỉ được hưởng chế độ đãi ngộ ở một mức cao nhất theo thành tích hoặc danh hiệu đạt được.

Thời gian được hưởng kể từ ngày vận động viên đạt thành tích có quyết định của cơ quan có thẩm quyền công nhận.

Trong trường hợp vận động viên đạt được nhiều thành tích thì chỉ được hưởng một mức cao nhất trong cùng một thời gian theo chu kỳ quy định. Nếu trong khoảng thời gian vận động viên đạt thành tích đang được hưởng đãi ngộ, vận động viên tiếp tục đạt được thành tích khác cao hơn thì vận động viên sẽ được hưởng mức đãi ngộ theo thành tích mới, thời gian được hưởng kể từ ngày vận động viên đạt thành tích mới cao hơn và có quyết định của cơ quan có thẩm quyền công nhận thành tích mới.

Vận động viên khi không còn tập luyện và thi đấu cho tỉnh Nam Định sẽ thôi hưởng chế độ quy định trên.

4. Thuê, hợp đồng vận động viên, huấn luyện viên, chuyên gia:

Đối với huấn luyện viên, chuyên gia giỏi, vận động viên xuất sắc, để đảm bảo phù hợp yêu cầu phát triển thể thao thành tích cao và thể thao chuyên nghiệp của tỉnh, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đề xuất trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định theo quy định của pháp luật.

5. Chế độ hỗ trợ đối với vận động viên khi thôi không làm vận động viên:

Vận động viên thuộc Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu Thể thao tỉnh Nam Định; Trung tâm Thể dục thể thao tỉnh Nam Định quản lý, sử dụng đã hoàn thành nhiệm vụ được cơ quan quản lý vận động viên quyết định cho thôi không làm vận động viên được hưởng chính sách ưu đãi như sau:

a) Vận động viên đủ điều kiện và có nguyện vọng thì được hưởng chế độ ưu đãi về học nghề và giải quyết việc làm quy định tại Điều 7 Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao.

b) Nếu vận động viên không có nguyện vọng hưởng ưu đãi quy định tại điểm a, Khoản 5 Điều này thì được hỗ trợ kinh phí một lần để tiếp tục học tập, ổn định cuộc sống, cụ thể:

Đối với vận động viên đã đạt thành tích từ huy chương Đồng giải Vô địch Quốc gia trở lên (kể cả nội dung cá nhân, đồng đội, tập thể), mỗi tháng tham gia làm vận động viên tập huấn, thi đấu cho các đội tuyển thể thao của tỉnh được hưởng mức tiền hỗ trợ bằng 1.500.000 đồng.

Đối với vận động viên đội tuyển cấp tỉnh, đội tuyển trẻ cấp tỉnh có thời gian làm vận động viên từ đủ 02 (hai) năm trở lên, mỗi tháng tham gia làm vận động viên tập huấn, thi đấu cho đội tuyển thể thao của tỉnh được hưởng mức tiền hỗ trợ bằng 750.000 đồng.

Cách tính mức tiền hỗ trợ đối với vận động viên quy định tại điểm b khoản này như sau: Mức tiền hỗ trợ bằng số tháng thực tế luyện tập, tập huấn, thi đấu nhân với mức tiền hỗ trợ tương ứng.

c) Vận động viên là viên chức thuộc Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể thao tỉnh Nam Định; Trung tâm Thể dục thể thao tỉnh Nam Định đã đạt thành tích từ huy chương Đồng giải vô địch quốc gia trở lên (kể cả nội dung cá nhân, đồng đội, tập thể) nếu có nguyện vọng, được cơ quan thẩm quyền ưu tiên xem xét, điều động đến các cơ sở giáo dục công lập trên cơ sở đảm bảo tiêu chuẩn, điều kiện chức danh nghề nghiệp, vị trí việc làm theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và trong phạm vi số lượng người làm việc được cấp có thẩm quyền giao.

**Điều 5. Mức thưởng bằng tiền đối với các tập thể, cá nhân đạt thành tích tại các giải thi đấu thể thao tổ chức trên địa bàn tỉnh.**

TT	Nội dung	Mức chi (đồng)
<b>I</b>	<b>Cấp tỉnh</b>	
1	Đại hội Thể dục thể thao	
a)	Giải cá nhân:	
	Huy chương vàng (giải nhất)	1.500.000
	Huy chương bạc (giải nhì)	1.000.000
	Huy chương đồng (giải ba)	800.000
b)	Giải đồng đội, tập thể: Mức thưởng bằng số lượng người được thưởng nhân với 50% mức thưởng của giải cá nhân tương ứng	
c)	Giải toàn đoàn:	
	Giải nhất	5.000.000
	Giải nhì	4.000.000



	Giải ba	3.000.000
	Giải khuyến khích	1.000.000
2	Hội khoẻ Phù Đổng; Đại hội điền kinh học sinh; Hội thao giáo dục quốc phòng an ninh của ngành giáo dục	
	Giải cá nhân:	
a)	Huy chương vàng (giải nhất)	800.000
	Huy chương bạc (giải nhì)	600.000
	Huy chương đồng (giải ba)	400.000
b)	Giải đồng đội, tập thể: Mức thưởng bằng số lượng người được thưởng nhân với 50% mức thưởng của giải cá nhân tương ứng	
	Giải toàn đoàn:	
	Giải nhất	5.000.000
c)	Giải nhì	1.500.000
	Giải ba	1.000.000
	Giải khuyến khích	500.000
3	Giải vô địch thể thao từng môn thuộc hệ thống thi đấu cấp tỉnh, khu vực; Giải thể thao dành cho người khuyết tật	
	Giải cá nhân:	
a)	Huy chương vàng (giải nhất)	1.000.000
	Huy chương bạc (giải nhì)	800.000
	Huy chương đồng (giải ba)	600.000
b)	Giải đồng đội, tập thể: Mức thưởng bằng số lượng người được thưởng nhân với 50% mức thưởng của giải cá nhân tương ứng	
	Giải toàn đoàn:	
	Giải nhất	3.000.000
c)	Giải nhì	2.000.000
	Giải ba	1.000.000
	Giải khuyến khích	500.000
4	Giải thi đấu thể thao quần chúng; hội thao, giải thi đấu thể thao các câu lạc bộ, giải thi đấu thể thao trong lực lượng vũ trang, giải thi đấu thể thao trong các ngành cấp tỉnh, khu vực.	
	Giải cá nhân:	
a)	Huy chương vàng (giải nhất)	800.000
	Huy chương bạc (giải nhì)	600.000
	Huy chương đồng (giải ba)	400.000
b)	Giải đồng đội, tập thể: Mức thưởng bằng số lượng người được thưởng nhân với 50% mức thưởng của giải cá nhân tương ứng	
	Giải toàn đoàn:	
	Giải nhất	3.000.000
c)	Giải nhì (đồng	2.000.000
	Giải ba (đồng/đoàn)	1.000.000
	Giải khuyến khích	500.000

<b>II</b>	<b>Cấp huyện:</b> Tùy theo tình hình nguồn kinh phí thực hiện; các cơ quan, đơn vị tổ chức các giải thi đấu thể thao cân đối, quyết định chi cho phù hợp, nhưng không quá 80% mức chi quy định tại Điều 5 của Nghị quyết này.
<b>III</b>	<b>Cấp xã:</b> Tùy theo tình hình nguồn kinh phí thực hiện; các cơ quan, đơn vị tổ chức các giải thi đấu thể thao cân đối, quyết định chi cho phù hợp, nhưng không quá 60% mức chi quy định tại Điều 5 của Nghị quyết này.

**Điều 6. Các chế độ chính sách khác**

Những nội dung không quy định tại Nghị quyết này thì được thực hiện theo Nghị định 152/2018/NĐ-CP ngày 07/11/2018 của Chính phủ và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

**Điều 7. Nguồn kinh phí thực hiện**

Kinh phí chi trả cho các chế độ quy định tại Nghị quyết này từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp hiện hành và các nguồn thu huy động hợp pháp khác./.